

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12- 6 -2019

V/v: "*Tranh chấp nam nữ
chung sống với nhau như vợ
chồng mà không đăng ký kết
hôn*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Kim Riêng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Kim Ngọc Châu.
 2. Ông Kim Ngọc Trường.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Tiết Thị Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú:*** Ông Kim Sum- Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2019, về việc "*Tranh chấp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Kim Thị Nga L, sinh năm 1989;
Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);
- *Bị đơn:* Anh Lâm Anh H, sinh năm 1979;
Địa chỉ: K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2019 nguyên đơn chị Kim Thị Nga L trình bày: Vào năm 2007 tôi và anh Lâm Anh H quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau và chúng tôi được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới nhưng chúng tôi không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chúng tôi chung sống với nhau rất hạnh phúc, cùng nhau làm ăn chăm lo cuộc sống gia đình. Đến năm

2012 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng thường cự cãi với nhau ngày càng trầm trọng, từ đó vợ chồng ly thân từ năm 2012 cho đến nay, từ lúc ly thân hai bên không có tạo điều kiện hàn gắn. Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 người con chung tên Lâm Vĩ K, sinh ngày 17/01/2007 và Lâm Vĩ Á, sinh ngày 25/3/2011, tài sản chung và nợ chung không có.

Nay xét thấy quan hệ vợ chồng đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng không thể duy trì vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa tôi và anh Lâm Anh H là vợ chồng; Về con chung có 02 người con chung tên Lâm Vĩ K, sinh ngày 17/01/2007 và Lâm Vĩ Á, sinh ngày 25/3/2011, tùy theo nguyện vọng của con sống với cha hay mẹ thì người đó nuôi dưỡng, bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng tôi vẫn có nguyện vọng nuôi con vì từ trước đến nay 02 con đều sống chung với tôi; Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/5/2019 của bị đơn anh Lâm Anh H trình bày: Tôi hoàn toàn thống nhất như lời trình bày của chị Kim Thị Nga L về quá trình chung sống cũng như con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Nay xét thấy về quan hệ hôn nhân của vợ chồng đã có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên tôi cũng thống nhất không công nhận giữa tôi và chị Kim Thị Nga L là vợ chồng; Về con chung: Tôi thống nhất có 02 người con chung tên Lâm Vĩ K, sinh ngày 17/01/2007 và Lâm Vĩ Á, sinh ngày 25/3/2011, tùy theo nguyện vọng của con muốn sống với cha hay mẹ thì người đó nuôi dưỡng, bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Tôi thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của các cháu Lâm Vĩ K và Lâm Vĩ Á trình bày: Cha, mẹ của các cháu tên Lâm Anh H và Kim Thị Nga L, trường hợp cha, mẹ ly hôn với nhau thì các cháu không có ý kiến, nếu cha, mẹ ly hôn với nhau thì nguyện vọng của các cháu được ở chung với mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình thụ lý và chuẩn bị xét xử. Không có vi phạm.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng nguyên đơn chị Kim Thị Nga L và bị đơn anh Lâm Anh H trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Kim Thị Nga L và anh Lâm Anh H.

Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16; Khoản 2 Điều 53, 57, 58, 81, 82, 83 và

Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị Kim Thị Nga L, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Kim Thị Nga L và anh Lâm Anh H; Về con chung có 02 người con chung tên Lâm Vĩ K, sinh ngày 17/01/2007 và Lâm Vĩ A, sinh ngày 25/3/2011, giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng (đây cũng là ý chí nguyện vọng của 02 cháu K và cháu A được sống chung với mẹ) và chị L tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Kim Thị Nga L được miễn án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình do thuộc đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do nguyên đơn chị Kim Thị Nga L và bị đơn anh Lâm Anh H có nơi cư trú tại ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh và k, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào khoản 8 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Chị Kim Thị Nga L là nguyên đơn và anh Lâm Anh H là bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Kim Thị Nga L và anh Lâm Anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị Nga L và anh Lâm Anh H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ”. Hiện nay, chị L và anh H xác định quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, nhưng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã với nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, cũng từ đó vợ chồng không còn sống chung với nhau và cũng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Chị L và anh H đều yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H không được pháp luật công nhận là hợp pháp nên cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Kim Thị Nga L và anh

Lâm Anh H theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị L và anh H chung sống với nhau có 02 người con chung tên Lâm Vĩ K, sinh ngày 17/01/2007 và Lâm Vĩ Â, sinh ngày 25/3/2011, ghi nhận sự tự nguyện của anh Lâm Anh H giao 02 người con chung tên Lâm Vĩ K, sinh ngày 17/01/2007 và Lâm Vĩ Â, sinh ngày 25/3/2011 cho chị Kim Thị Nga L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy cháu Lâm Vĩ K và Lâm Vĩ Â có nguyện vọng muốn được ở chung với chị L, cháu K và Â hiện nay đang sống chung với chị L ổn định từ nhỏ cho đến nay nên sự chăm sóc của người mẹ là rất cần thiết, do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu K và Â. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu K và cháu Â cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Kim Thị Nga L không yêu cầu anh Lâm Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của chị Kim Thị Nga L không yêu cầu anh Lâm Anh H cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Kim Thị Nga L được miễn án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình do thuộc đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim Thị Nga L.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Kim Thị Nga L và anh Lâm Anh H.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Lâm Vĩ K, sinh ngày 17/01/2007 và Lâm Vĩ Â, sinh ngày 25/3/2011 cho chị Kim Thị Nga L được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K và cháu Â đủ 18 tuổi và ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do chị Kim Thị Nga L thuộc đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

5. Quyền kháng cáo: Chị Kim Thị Nga L và anh Lâm Anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi Cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kim Riêng